

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HS-ST

Ngày 27- 02 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Lộc.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Diễm;

Bà Trần Thị Đẹp;

Ông Đặng Tấn Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Phạm Hồng Thái – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 225/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Phan Văn L sinh năm 1988 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Ấp C, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn L1 (đã chết) và bà Trần Thị L2; bị cáo có vợ và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30 tháng 7 năm 2024 cho đến nay, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Phan Văn L: Ông Đỗ Hồ T – Luật sư Văn phòng L3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị T1

, sinh năm 1987; nơi cư trú: khu phố C, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình

Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Lê Thị O, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ E, khu phố C, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Lê Nguyễn Tú T2, vắng mặt;
2. Ông Lê Quốc T3, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Văn L, ông Lê Quốc T3 và bà Lê Thị O là bạn bè quen biết nhau ngoài xã hội, thông qua bà O, L biết Lê Thị O và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1987, nơi thường trú: Thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Khoảng đầu năm 2021, do cần tiền tiêu xài và trả nợ nên L nảy sinh ý định đặt làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất 420, tờ bản đồ số 4, tại xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương do L đứng tên (gọi tắt Giấy chứng nhận thửa đất số 420) để lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác thông qua hình thức vay thế chấp bằng quyền sử dụng đất giả. Thực hiện ý định trên, tháng 4/2021, L thuê đối tượng tên T4 (không rõ nhân thân, lai lịch) làm giả Giấy chứng nhận thửa đất số 420 nêu trên với giá 10.000.000 (mười triệu) đồng. Ngày 16/6/2021, L liên hệ với bà O đề hỏi vay 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, do bà O không có nên giới thiệu L qua gặp bà T1, đồng thời gọi điện thoại cho bà T1 nói “có thằng em mua đất thiếu tiền, em cho nó mượn 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, em giữ lại sổ đất của nó”, bà T1 đồng ý. Đến trưa ngày 16/6/2021, L điện thoại cho bà T1 nói “chị O giới thiệu đến gặp vay tiền” nên bà T1 hẹn gặp L tại nhà của bà T1, đồng thời L nhờ ông T3 chở L đến gặp bà T1. Tại đây, L đưa bà T1 xem Giấy chứng nhận thửa đất số 420, bà T1 đối chiếu thông tin trên sổ và căn cước công dân của L thấy trùng nhau nên tin tưởng cho L vay 500.000.000 đồng. L viết giấy thế chấp hẹn 03 tháng sau sẽ đến trả tiền. Đến thời hạn, bà T1 nhiều lần liên lạc với L nhưng không được nên bà T1 tố giác hành vi của L.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tạm giữ: 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CN 153980

thửa đất số 420, tờ bản đồ 4, địa chỉ: xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương tên Phan Văn L.

Tại bản Kết luận giám định số 323 ngày 09/8/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Hình dấu tròn có nội dung “CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM* TỈNH BÌNH DƯƠNG – SỔ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG” và phôi “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất” số CN153989, tên người sử dụng đất “Phan Văn L”, sinh năm 1988, CMND số 2809958182, địa chỉ thường trú: Xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương đề ngày 27/06/2018 là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

Tại bản Kết luận giám định số 1530 ngày 29/3/2024 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương xác định: Chữ ký, chữ viết họ tên, 02 dấu vân tay tên “Phan Văn L” trên tài liệu “Giấy thế chấp” ngày 16/06/2021 so với chữ ký, chữ viết họ tên và 02 dấu vân tay của Phan Văn L trên 01 (một) hợp đồng thế chấp bất động sản số 201/2020/6741736/HĐBĐ và 01 (một) “Phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất” đề ngày 24/08/2020 do cùng một người ký, viết và in ra.

* Trách nhiệm dân sự: quá trình điều tra bà Lê Thị O đã trả lại cho bà Nguyễn Thị T1 500.000.000 đồng nên bà O yêu cầu bị cáo Phan Văn L trả lại 500.000.000 đồng cho bà O, hiện chưa thực hiện.

Tại Cáo trạng số 248/CT-VKS-P2 ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Phan Văn L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương trình bày lời luận tội trong đó vẫn giữ nguyên quyết định cáo trạng truy tố bị cáo Phan Văn L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Hành vi của bị cáo xuất phát từ việc muốn chiếm đoạt tiền của người khác đưa ra thông tin gian dối để họ tin nên bị cáo đã thuê người làm giả 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CN153989 thuộc thửa đất số 420, tờ bản đồ số 4, địa chỉ xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương mang tên Phan Văn L. Sau đó bị cáo L sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên để giao cho bà Nguyễn Thị T1 để bà T1 tin tưởng

giao cho L 500.000.000 đồng.

Bị cáo thực hiện với lỗi cố ý và động cơ tư lợi, bị cáo biết hành vi thuê người làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng giấy chứng nhận trên để lừa bà T1 đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn bình thường của các cơ quan Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính, xâm phạm đến quan hệ sở hữu tài sản của bà T1, là vi phạm pháp luật nhưng mong muốn thực hiện nên bị cáo để mặc cho hậu quả xảy ra hoặc không cần biết hậu quả của hành vi đó như thế nào.

Hành vi nêu trên của bị cáo Phan Văn L là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi phạm tội của mình. Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Trong vụ án này bị cáo một mình trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Xét quá trình điều tra bà O đã bỏ số tiền 500.000.000 đồng để bồi thường trả cho bà T1. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý trả số tiền trên cho bà O. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo.

Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Phan Văn L mức án từ 12 năm đến 13 năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là từ 15 năm đến 16 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Phan Văn L trả lại cho bà Lê Thị O số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: thống nhất với tội danh và khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã truy tố và luận tội đối với bị cáo. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo thống nhất với phần trình bày của người bào chữa không tranh luận gì thêm.

Trong lời nói sau cùng bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sớm được đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: các hành vi của Điều tra viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về xác định tư cách tham gia tố tụng trong vụ án: Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương xác định bà Lê Thị O là người làm chứng trong vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát xác định; bà O là người giới thiệu bị cáo Phan Văn L gặp bà Nguyễn Thị T1 để vay tiền và thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà O không biết bị cáo L thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giấy tờ giả; sau khi bà T1 có đơn tố cáo bị cáo L, thì bà O đã dùng tiền của cá nhân để trả cho bà T1; số tiền này hiện nay bị cáo cũng chưa thanh toán nên bà O là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại tư cách của bà Lê Thị O là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Phan Văn L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố đối với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định: Do cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên vào tháng 4/2021, Phan Văn L thuê người làm giả 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CN153989 thuộc thửa đất số 420, tờ bản đồ số 4, địa chỉ xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương tên Phan Văn L. Đến ngày 16/6/2021, L sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả trên để thế chấp cho bà Nguyễn Thị T1 để bà T1 tin tưởng là thật cho L vay 500.000.000 đồng rồi chiếm đoạt và bỏ trốn.

Tại bản Kết luận giám định số 323 ngày 09/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Hình dấu tròn có nội dung “CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM* TỈNH BÌNH DƯƠNG – SỞ TÀI NGUYÊN VÀ

MÔI TRƯỜNG” và phôi “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất” số CN153989, tên người sử dụng đất “Phan Văn L”, sinh năm 1988, CMND số 2809958182, địa chỉ thường trú: Xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương đề ngày 27/06/2018 là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

Tại bản Kết luận giám định số 1530 ngày 29/3/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương xác định: Chữ ký, chữ viết họ tên, 02 dấu vân tay tên “Phan Văn L” trên tài liệu “Giấy thế chấp” ngày 16/06/2021 so với chữ ký, chữ viết họ tên và 02 dấu vân tay của Phan Văn L trên 01 (một) hợp đồng thế chấp bất động sản số 201/2020/6741736/HĐBĐ và 01 (một) “Phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất” đề ngày 24/08/2020 do cùng một người ký, viết và in ra. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Phan Văn L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là hoàn toàn có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi dùng thủ đoạn gian dối nhằm lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật bảo vệ. Hành vi cung cấp thông tin để làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để sử dụng thực hiện hành vi phạm tội đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý tài liệu, giấy tờ của cơ quan, tổ chức, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và sẽ bị nghiêm trị nhưng vì động cơ tư lợi mà bị cáo đã cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Do đó, cần phải xử phạt nghiêm bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo để xử phạt bị cáo một mức án cho phù hợp.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định

tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về trách nhiệm dân sự: số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng mà bị cáo Phan Văn L thực hiện hành vi chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T1; sau khi bị cáo L bị bắt, bà Lê Thị O đã dùng nguồn tiền của mình thanh toán cho bà T1; quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra bà T1 yêu cầu bị cáo L có trách nhiệm thanh toán lại cho bà O; tuy nhiên tại phiên tòa bị hại Nguyễn Thị T1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt; bị cáo đồng ý thanh toán số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng cho bà Lê Thị O; xét đây là ý chí tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật về nghĩa vụ thanh toán nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với Lê Thị O, Lê Quốc T3 không biết việc Phan Văn L sử dụng giấy tờ giả để thực hiện hành vi phạm tội nên không xem xét xử lý là phù hợp.

Đối với đối tượng tên Tr thực hiện hành vi làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện không rõ nhân thân, lai lịch nên không có căn cứ xử lý, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về tội danh, điều luật và mức hình phạt là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận;

[7] Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Phan Văn L có cơ sở chấp nhận một phần.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CN153989 thuộc thửa đất số 420, tờ bản đồ số 4, địa chỉ xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương tên Phan Văn L (bản chính làm giả) là chứng cứ để buộc tội bị cáo, đã được đánh số bút lục lưu vào hồ sơ vụ án, nên không tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí sơ thẩm: bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về phần bồi thường.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 329, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phan Văn L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Phan Văn L 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) buộc bị cáo Phan Văn L phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30 tháng 7 năm 2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Phan Văn L có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị O số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Án phí sơ thẩm: Bị cáo Phan Văn L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được giao, niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT 1);
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
- Trại Tạm giam - Công an tỉnh Bình Dương (02);
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng (07);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ & Thi hành án (03);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án, PHT, 25.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Lộc